

# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ 5 TUỔI Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

○ TS. TRẦN THỊ NGỌC TRÂM\*

**T**rong quá trình xây dựng và phát triển nền giáo dục (GD) nước nhà, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm phát triển giáo dục mầm non (GDMN). Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt «*Đề án phổ cập giáo dục mầm non (PCGDMN) cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010-2015*» (1) tiếp tục thể hiện chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển GDMN, với mục tiêu đảm bảo hầu hết trẻ em 5 tuổi ở các vùng miền được đến lớp để thực hiện chương trình giáo dục 2 buổi/ngày, đủ 1 năm học, nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, tiếng Việt và tâm lý để trẻ sẵn sàng vào lớp 1.

Để thực hiện chủ trương trên, việc nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp PCGDMN phù hợp với những vùng khó khăn như đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là rất cần thiết và cấp bách.

1. Thực trạng PCGDMN trẻ 5 tuổi ở vùng ĐBSCL hiện nay

Trong năm học 2009-2010, chúng tôi đã tiến hành điều tra, khảo sát qua báo cáo của các sở GD-ĐT và bằng phiếu hỏi với 35 cán bộ quản lý (CBQL) phòng mầm non (MN) của sở GD-ĐT, 74 CBQL các trường MN, 372 giáo viên mầm non (GVMMN), 68 cán bộ chính quyền địa phương và 368 cha mẹ trẻ ở 12 tỉnh/TP thuộc ĐBSCL (Cần Thơ, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bến Tre, An Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu); khảo sát thực tế, tọa đàm, phỏng vấn sâu tại 3 tỉnh đại diện vùng ĐBSCL, (An Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ); tổ chức hội thảo tại Cần Thơ về kế hoạch và giải pháp PCGDMNTNT vùng ĐBSCL; v.v... Kết quả thu được như sau:

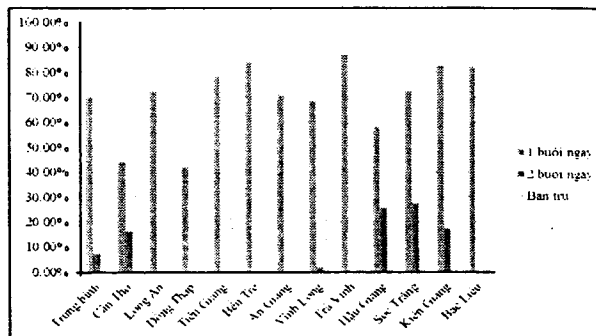
1) *Tình hình thực hiện PCGDMN trẻ 5 tuổi năm học 2009-2010*

\* *Mạng lưới quy mô trường lớp và tỉ lệ trẻ em 5 tuổi được huy động ra lớp*: Loại hình trường MN công lập chiếm ưu thế ở các tỉnh vùng ĐBSCL (92,5%); tình trạng xã/phường chưa có trường MN vẫn còn ở một số tỉnh. Ngoài lớp học cho trẻ

mẫu giáo (MG) đúng độ tuổi, vẫn còn tình trạng lớp ghép hai độ tuổi (4 tuổi và 5 tuổi) với tỉ lệ không nhỏ (19,42%) và lớp ghép ba độ tuổi (3 tuổi, 4 tuổi và 5 tuổi; tỉ lệ 2,83%). Phần lớn các lớp MG 5 tuổi chỉ học 1 buổi/ngày. Trẻ 5 tuổi thuộc 12 tỉnh ĐBSCL được ra lớp với tỉ lệ cao (98,3%), do nhiều địa phương đã có những biện pháp tích cực để huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp.

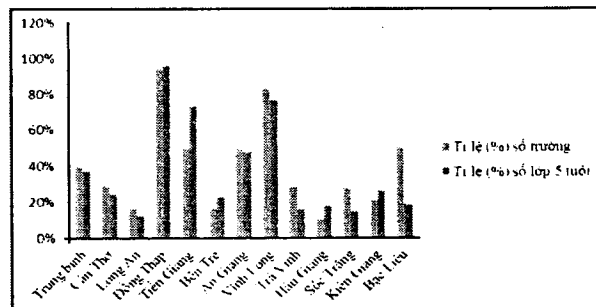
\* *Chất lượng GD trẻ MN 5 tuổi*

Biểu đồ 1 cho thấy, tỉ lệ trẻ 5 tuổi được học 2 buổi/ngày và bán trú chiếm tỉ lệ thấp, một số nơi rất thấp.



Biểu đồ 1. Tình hình trẻ 5 tuổi học ở các lớp 1 buổi/ngày, 2 buổi/ngày và học bán trú năm học 2009-2010

Việc thực hiện chương trình GDMN mới ở phần lớn các tỉnh điều tra chiếm tỉ lệ thấp (trừ Đồng Tháp và Vĩnh Long) - xem biểu đồ 2.



Biểu đồ 2. Tình hình thực hiện chương trình GDMN mới năm học 2009-2010

\* Viện Khoa học giáo dục Việt Nam

Về tình hình sức khỏe và đánh giá sự phát triển của trẻ: tỉ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần khá cao ở hầu hết các tỉnh/thành vùng ĐBSCL. Tỉ lệ trẻ MN 5 tuổi suy dinh dưỡng còn khá cao ở một số tỉnh/TP. Tỉ lệ trẻ được đánh giá về các mặt đạt kết quả tốt không đồng đều ở các tỉnh/TP.

\* *Đội ngũ CBQL, GVMN:*

- *Đội ngũ CBQL* hầu hết thuộc biên chế nhà nước (96%), nơi thấp nhất (Cần Thơ) cũng đạt 85%. Tỉ lệ CBQL có trình độ ĐT đạt chuẩn trở lên khá cao (97%), trong đó trên chuẩn là 49%. Những tỉnh 100% CBQL có trình độ ĐT đạt chuẩn trở lên gồm: Long An, Đồng Tháp, Bến Tre, An Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Bạc Liêu. Một số tỉnh có tỉ lệ CBQL đạt trình độ ĐT trên chuẩn cao là: Bến Tre (78%), Đồng Tháp và Kiên Giang (đều đạt 75%), Cần Thơ (72%). Phần lớn CBQL đều qua ĐT về chuyên ngành GDMN và đã qua lớp quản lí GDMN. CBQL qua ĐT khác chỉ có ở 3 tỉnh, trong đó nhiều nhất là Trà Vinh (12 người), An Giang (7 người) và Hậu Giang (1 người). Hầu hết các tỉnh đều còn thiếu CBQL (trừ Hậu Giang), tỉnh thiếu nhiều nhất là Trà Vinh (168 người), tiếp đến là Bến Tre (88 người).

- *Đội ngũ GVMN* phần lớn thuộc biên chế nhà nước (80%); tỉ lệ cao ở các tỉnh như Long An (99%), Bến Tre (96%), Sóc Trăng và Bạc Liêu (91%)... Một số tỉnh có tỉ lệ GVMN thuộc biên chế nhà nước thấp, thấp nhất là Cần Thơ (48%), tiếp đến là Đồng Tháp (60%) và Hậu Giang (72%). 100% các tỉnh đều thiếu GVMN (tính chung trong 12 tỉnh thiếu 2077 GVMN). Một số tỉnh thiếu với số lượng lớn như Tiền Giang (thiếu 473), Cần Thơ (thiếu 256), Hậu Giang (thiếu 226), An Giang (thiếu 202)... Tỉ lệ GVMN được ĐT đạt chuẩn và trên chuẩn không đồng đều giữa các tỉnh/TP; tỉ lệ GVMN đạt chuẩn cao ở Long An (89%), An Giang (86%). Tỉ lệ GVMN trên chuẩn khá cao ở Bạc Liêu (56%), Kiên Giang (46%). Bên cạnh đó, tỉ lệ GVMN ĐT dưới chuẩn chiếm tỉ lệ đáng kể ở một số nơi, cao nhất ở Cần Thơ (21%), tiếp theo là Đồng Tháp (13%), Trà Vinh (12%), Tiền Giang (10%), Hậu Giang và Vĩnh Long (8%). Tính chung trong 12 tỉnh/thành, có 8% GVMN dưới chuẩn.

Nhìn chung, CBQL và GVMN nhiệt tình, có tinh thần học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ ĐT. Tuy nhiên, ở một số nơi, CBQL cấp trường và GVMN còn thiếu và yếu.

\* *Cơ sở vật chất (CSVC) dành cho GDMN và cho lớp MG 5 tuổi*

- *Phòng học, công trình nước sạch, công trình VS cho GDMN.* Hầu hết các tỉnh đều có số lượng lớn các phòng học bán kiên cố (tỉ lệ chung 44%); tuy nhiên, tỉ lệ phòng học nhờ, mượn cũng không nhỏ: 21%... Số công trình nước sạch, công trình VS đạt chuẩn cũng chưa tương xứng với số trường, lớp học.

- *Phòng học, công trình nước sạch, công trình VS cho lớp MG 5 tuổi.* Tính chung trong 12 tỉnh/TP phòng học bán kiên cố cho lớp MG 5 tuổi chiếm tỉ lệ 49%; tỉ lệ phòng học nhờ, mượn khá cao: 22,3%. Sân chơi ngoài trời và số công trình nước sạch, công trình VS đạt chuẩn cũng chưa tương xứng với số trường, lớp học.

- *Thiết bị, đồ chơi, đồ dùng cho lớp MG 5 tuổi và GDMN còn nghèo nàn, thiếu thốn.*

\* *Kinh phí đầu tư cho GDMN và huy động trẻ em 5 tuổi ra lớp* chủ yếu là ngân sách nhà nước; ngân sách địa phương chiếm tỉ lệ thấp và nguồn đóng góp của cha mẹ càng thấp (do phần lớn người dân trong vùng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn).

\* *Chế độ chính sách đối với CBQL, GVMN* vẫn còn bất cập. Đời sống của một bộ phận GV còn khó khăn. Định mức lao động của GVMN chưa hợp lí (8 giờ/ngày, ngoài ra GV còn phải soạn bài, làm đồ dùng, đồ chơi cho trẻ, thực hiện các loại hồ sơ sổ sách).

\* *Sự tham gia của gia đình và cộng đồng:* Nhìn chung, phụ huynh và cộng đồng quan tâm đến việc đưa trẻ đi học ở các lớp MN, nhất là trẻ 5-6 tuổi. Tuy nhiên, ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, một bộ phận cha mẹ trẻ còn giao phó việc CS-GD trẻ cho GV. Một số ít phụ huynh, đặc biệt vùng nông thôn, chưa thật sự quan tâm đến việc đưa trẻ đi học MG.

\* *Sự tham gia, phối hợp của các ban ngành có liên quan và của các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội.* Nhiều nơi, các ban ngành, đoàn thể đã phối hợp với ngành GD-ĐT huy động trẻ ra lớp, tuyên truyền kiến thức CS-GD trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng,... Bên cạnh đó, còn một số nơi chưa có sự tham gia phối hợp rõ ràng giữa các ban ngành có liên quan trong việc vận động trẻ 5 tuổi ra lớp hoặc sự tham gia, phối hợp chỉ có tính chất thời vụ, không thường xuyên.

2) *Nhận thức về sự cần thiết PCGDMN trẻ 5 tuổi (xem bảng)*

Kết quả điều tra cho thấy, có sự đồng thuận trong đánh giá về mức độ nhận thức của các đối tượng về sự cần thiết PCGDMN trẻ 5 tuổi và phần lớn các đối tượng đều đánh giá CBQL, GV, lãnh

**Bảng. Ý kiến đánh giá của CBQL GDMN cấp sở/phòng, BGH, cán bộ lãnh đạo địa phương về nhận thức sự cần thiết PCGDMN trẻ 5 tuổi**

TT	Các đối tượng có nhận thức đúng về sự cần thiết PCGDMN trẻ 5 tuổi	Ý kiến của					
		CBQL GDMN cấp sở/phòng (n = 35)		BGH (n = 74)		Cán bộ lãnh đạo địa phương (n = 68)	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	BGH trường MN	33	94,3	71	95,95	67	98,5
2	GVMN	33	94,3	67	90,54	67	98,5
3	Các cấp lãnh đạo địa phương	33	94,3	68	91,89	67	98,5
4	Các ban ngành, các tổ chức đoàn thể	29	82,9	65	87,84	63	92,6
5	Các gia đình có con 5 tuổi	30	85,7	56	75,68	47	69,1
6	Cộng đồng nói chung	29	82,9	51	68,92	41	60,3

đạo địa phương có nhận thức đúng với tỉ lệ ý kiến cao (trên 90%). Các ban ngành, các tổ chức đoàn thể khác được đánh giá có nhận thức đúng về sự cần thiết của PCGDMN trẻ 5 tuổi với tỉ lệ thấp hơn. Các gia đình có con 5 tuổi và cộng đồng nói chung được đánh giá có nhận thức đúng về sự cần thiết PCGDMN trẻ 5 tuổi thấp hơn hẳn. Như vậy là, cần làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền về chủ trương, lợi ích và sự cần thiết PCGDMN trẻ 5 tuổi trong cộng đồng và phụ huynh có con ở độ tuổi MG.

### 3) Thuận lợi và khó khăn trong việc PCGDMN trẻ 5 tuổi các địa phương

**Thuận lợi:** - Nhận thức của xã hội, của cộng đồng về GDMN ngày càng được nâng cao, đặc biệt là việc đi học của trẻ MG 5 tuổi. Nhiều nơi được sự quan tâm của lãnh đạo địa phương (tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh), lãnh đạo sở GD-ĐT và các phòng GD, BGH các trường MN và sự hỗ trợ của các ban ngành, đoàn thể trong việc huy động trẻ 5 tuổi ra lớp; - Việc chuẩn hóa về trình độ chuyên môn của đội ngũ CBQL và GVMN trong những năm gần đây của các tỉnh làm cho đội ngũ CBQL và GVMN ngày càng được nâng cao về trình độ. Đội ngũ CBQL, GVMN nhiệt tình và có nhiều hoạt động tích cực trong việc huy động trẻ 5 tuổi ra lớp; - Mạng lưới trường lớp ở nhiều nơi được củng cố và phát triển hằng năm, lớp MG được mở ra ở các xã; - Nhận thức về tầm quan trọng của GDMN của cha mẹ và cộng đồng ngày càng được nâng cao nên nhu cầu cho trẻ mầm non, đặc biệt trẻ 5 tuổi ra lớp ngày càng tăng; - Chính sách tiền lương, chế độ bảo hiểm cho GV được thực hiện đầy đủ; - Quyết định 112/2007/QĐ-TTg, ngày 20/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ được UBND tỉnh thực hiện phân bổ cấp kinh phí cho các cháu MG thuộc hộ nghèo được hưởng theo quyết định.

**Khó khăn:** - Cơ sở hạ tầng còn yếu kém, đời sống người dân nhìn chung còn rất khó khăn;

- Mạng lưới trường lớp chưa ổn định ở một số nơi (địa bàn vùng sâu, xa). Ví dụ: Tiền Giang có 39 xã chưa có trường MN (học ghép với trường tiểu học), Cần Thơ có 12 xã phường chưa có trường MN...; mạng lưới trường lớp chỉ tập trung ở các xã, phường, chưa phủ kín được các điểm ấp, khóm, chưa thuận lợi cho cha mẹ đưa con đến trường; hệ thống trường, lớp

bán trú chỉ mở được ở những nơi có điều kiện như ở TP, thị trấn và trung tâm xã nên cũng hạn chế trong việc huy động trẻ ra lớp; - Sông, kênh, rạch chằng chịt ảnh hưởng đến quy hoạch mạng lưới trường lớp (một số nơi, bán kính đến trường quá xa: 2-3 km); - Nhận thức chưa đúng của một số phụ huynh và cộng đồng về tầm quan trọng của GDMN, quan niệm trẻ MG không đi học vẫn vào lớp 1; - CSVC trường lớp, trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi còn thiếu thốn, chưa đáp ứng yêu cầu. Một số nơi còn nhiều phòng học tạm, học nhờ chùa hoặc thuê nhà dân, học nhờ trường tiểu học, lớp học ghép. Nhiều nơi chưa có thiết bị, đồ dùng theo đúng Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT; - Đội ngũ GV còn thiếu về số lượng, bất cập về trình độ; - Chế độ chính sách để thu hút GVMN vẫn còn bất cập hoặc chưa thỏa đáng (ví dụ: Thông tư 71 quy định giờ làm việc GVMN là 8h/ngày là cao hơn chế độ làm việc đối với GV); - Nguồn kinh phí đầu tư cho GDMN của các tỉnh có tăng nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu; - Chưa có cơ chế tài chính trong Đề án PCGDMN trẻ 5 tuổi để địa phương thực hiện; - Phụ huynh không có thời gian đưa đón con học 2 buổi/ngày

### 2. Các giải pháp PCGDMN trẻ 5 tuổi vùng ĐBSCL

1) **Nâng cao nhận thức về sự cần thiết thực hiện PCGDMN trẻ 5 tuổi** đối với lãnh đạo địa phương, các ban ngành; đối với BGH, GVMN cũng như của cha mẹ và cộng đồng.

2) **Huy động các nguồn lực để thực hiện PCGDMN trẻ 5 tuổi.**

3) **Quy hoạch, phát triển mạng lưới trường lớp phù hợp:** - Xây dựng trường lớp ở các thôn, xã; - Xây dựng trường lớp ở nơi thuận tiện cho trẻ đến lớp.

4) **Đầu tư xây dựng CSVC:** - Tăng kinh phí đầu tư xây dựng kiên cố, có đủ CSVC cho các trường công lập thực hiện PCGDMN trẻ 5 tuổi; - Đầu tư kinh phí xây dựng trường chuẩn quốc

gia ở các huyện nghèo; - Đầu tư kinh phí xây dựng trường lớp ở các thôn xóm.

5) *Chính sách ưu đãi đối với trường MN tư thục*: - Địa phương thực hiện chính sách theo Nghị định 53/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/5/2006 đối với trường MN tư thục; - Nhà nước cũng như địa phương có thêm chính sách ưu đãi đối với trường MN tư thục.

6) *Chính sách đối với trẻ 5 tuổi: Những nơi đặc biệt khó khăn*: - Ngân sách nhà nước đảm bảo đủ CSVC, phòng học, đồ dùng, đồ chơi, cung cấp học liệu miễn phí cho trẻ; - Có chính sách cho nhân viên hỗ trợ GV (đưa trẻ đến lớp, hỗ trợ ngôn ngữ,...); - Có chính sách miễn học phí và hỗ trợ tiền ăn bán trú cho trẻ. *Những nơi khác*: - Ngân sách nhà nước đảm bảo đủ CSVC, phòng học, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ; - Cha mẹ đóng góp học phí tùy mức thu nhập theo quy định của UBND tỉnh/thành; - Nhà nước hỗ trợ ngân sách để đảm bảo 100% trẻ được ăn bán trú.

7) *Chính sách với đội ngũ GV*: - Hỗ trợ ngân sách để bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho đội ngũ GV hiện có và ĐT mới đảm bảo đủ số lượng và chất lượng thực hiện PCGDMN trẻ 5 tuổi; - Có chế độ hỗ trợ kinh phí cho GV dạy MG 5 tuổi tại vùng khó khăn; - Đầu tư ngân sách xây nhà công vụ và nhà ở cho GV vùng khó khăn.

8) *Chính sách đối với cộng đồng*: - Đầu tư cho công tác truyền thông; - Ưu tiên đầu tư xóa đói giảm nghèo để nâng cao mức sống của người dân.

9) *Có cơ chế để tăng cường công tác phối hợp giữa ngành GD-ĐT với các ban ngành, tổ chức liên quan để thực hiện công tác PCGDMN trẻ 5 tuổi*

10) *Nâng cao chất lượng CS-GD ở các lớp MG 5 tuổi*: - Ưu tiên hỗ trợ về ĐT và bồi dưỡng GV, CSVC trang thiết bị và tài liệu cho việc thực hiện chương trình GDMN mới tại các lớp MG 5 tuổi; - Triển khai thực hiện chương trình GDMN mới tại tất cả các lớp MG 5 tuổi; - Linh hoạt thay đổi kế hoạch thực hiện năm học để phù hợp với vùng sông nước vào mùa lũ.

*Trung tâm ý kiến bằng phiếu* cho thấy, phần lớn CBQL, BGH, GVMN, cán bộ lãnh đạo địa phương đều đồng ý với 9/10 nhóm giải pháp đã được đề xuất (tỉ lệ trên 80%). Nhiều giải pháp có tỉ lệ ý kiến đồng ý từ 90% trở lên. Chỉ có giải pháp *Chính sách ưu đãi đối với trường MN tư thục và giải pháp nhà nước hỗ trợ ngân sách để đảm bảo 100% trẻ được ăn bán trú* có tỉ lệ ý kiến đồng ý thấp hơn hẳn các giải pháp khác, ý kiến phân vân

cũng đáng kể. Ý kiến tại hội thảo về kế hoạch và giải pháp để thực hiện PCGDMN trẻ 5 tuổi các tỉnh ĐBSCL tại TP Cần Thơ cũng nhất trí cao 9/10 giải pháp đã được đề xuất; riêng giải pháp *Chính sách ưu đãi đối với trường MN tư thục* chưa được nhiều đại biểu bày tỏ ý kiến đồng tình hay không đồng tình, chưa thể hiện sự nhất trí cao.

### 3. Một số kiến nghị

1) *Đối với Bộ GD-ĐT*: Tiếp tục hướng dẫn cụ thể về việc triển khai xây dựng đề án PCGDMNTNT ở các tỉnh và tổ chức thực hiện. Cần có hướng dẫn cụ thể về cơ chế tài chính để địa phương có thể xây dựng đề án và thực hiện.

2) *Đối với sở GD-ĐT các tỉnh/TP và phòng GD-ĐT các huyện/thị vùng ĐBSCL*: - Tuyên truyền, phổ biến quán triệt nội dung Quyết định số 239/QĐ-TTg và thực hiện các chỉ thị, công văn có liên quan đến PCGDMNTNT, đặc biệt là thông tư số 32/2010/TT-BGDĐT Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình công nhận PCGDMN trẻ 5 tuổi tới các ban, ngành, đoàn thể xã hội, cộng đồng và gia đình trong toàn tỉnh, tạo sự hưởng ứng tích cực của các bậc cha mẹ trẻ và ủng hộ của toàn xã hội; - Áp dụng các giải pháp được đề xuất để chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện PCGDMNTNT ở địa phương.

3) *Đối với BGH và GV các trường MN*: - Phối hợp với đơn vị cơ sở xã, phường để điều tra và xây dựng kế hoạch PCGDMNTNT ở địa phương; - Xây dựng và thực hiện kế hoạch phối hợp với các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, mặt trận tổ quốc, hội cựu chiến binh... thực hiện công tác PCGDMNTNT; - Tham mưu với chính quyền địa phương hỗ trợ, tạo điều kiện để trẻ 5 tuổi có hoàn cảnh khó khăn có thể ra lớp; - Tăng cường CSVC, chuẩn bị đội ngũ GV cho các lớp 5 tuổi được học 2 buổi/ngày theo chương trình GDMN mới. □

(1) Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi giai đoạn 2010-2015”.

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. Báo cáo tổng kết năm học 2009-2010 và phương hướng nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2010-2011, Hà Nội, 7/2010.
2. Báo cáo tổng kết đề tài “Nghiên cứu thực trạng và giải pháp phổ cập giáo dục mẫu giáo 5 tuổi ở vùng đồng bằng sông Cửu Long” (Mã số: B2009-37-72TĐ; CN: TS. Trần Thị Ngọc Trâm).
3. Công văn 4148/BGDĐT-GDMN ngày 15/7/2010 về việc hướng dẫn thực hiện phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi.
5. Thông tư 32/2010/TT-BGDĐT ban hành ngày 02/12/2010 về Quy định điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình công nhận phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi.